

Biện pháp của giáo viên tạo động lực học tập cho học sinh trung học phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Thị Thúy Dung

Email: nguyenthithuydung@hcmussh.edu.vn
 Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn -
 Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
 10 - 12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé,
 Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TÓM TẮT: Bài viết trình bày kết quả khảo sát bằng bảng hỏi với giáo viên và học sinh trung học phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh về các biện pháp của giáo viên tạo động lực học tập cho học sinh. Giáo viên đã quan tâm tạo môi trường học tập thân thiện cho học sinh, đã cố gắng thu hút học sinh vào hoạt động học tập vì kết quả điểm số của môn học. Tuy nhiên, giáo viên chưa thực hiện thường xuyên các biện pháp giúp học sinh có nhu cầu học tập một cách lâu dài, bền vững và làm cho từng thành tố của hoạt động học tập trở nên hấp dẫn đối với học sinh.

TỪ KHÓA: Biện pháp, tạo động lực học tập, học sinh, Trung học phổ thông, Thành phố Hồ Chí Minh.

→ Nhận bài 24/5/2022 → Nhận bài đã chỉnh sửa 14/6/2022 → Duyệt đăng 15/9/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210911>

1. Đặt vấn đề

Theo Theobald M.A. (2006), người học không thể buộc mình học tập nếu như bản thân không muốn học và không có động lực học tập. Tạo động lực học tập cho người học là một công việc khó khăn và thách thức vì “động lực là cái bên trong, nó được hình thành từ bản thân người học” [1, tr.1]. Nguyễn Tùng Lâm (2015) cũng cho rằng: “Có thể người học có nhu cầu, nhận thức được việc cần làm nhưng nó chưa đến mức “thôi thúc” thì người học chưa thể tập trung “năng lượng” cho nó...; Người học có nhu cầu muốn học tốt nhưng không có đủ quyết tâm để vượt qua những khó khăn trong học tập”, “Đó là lí do căn bản cần tạo cho người học động lực học tập, động lực đó phải đủ mạnh, đủ sức lôi cuốn người học hoàn thành nhiệm vụ học tập của mình” [2, tr.148].

Như vậy, để học sinh học tập đạt kết quả tốt, một nhiệm vụ quan trọng của giáo viên là tạo động lực học tập cho học sinh. Tạo động lực học tập càng trở nên quan trọng đối với học sinh trung học phổ thông - lứa tuổi cần nỗ lực học tập để tốt nghiệp cấp Trung học phổ thông và có thể tham gia các kì thi tuyển chọn vào các trường đại học hoặc các cơ sở đào tạo khác, bước vào một giai đoạn phát triển mới của cuộc đời. Nghiên cứu các biện pháp của giáo viên trung học phổ thông tạo động lực học tập cho học sinh là một nghiên cứu cần thiết, đặc biệt tại các trường trung học phổ thông ở Thành phố Hồ Chí Minh - một thành phố có quy mô phát triển giáo dục phổ thông với số lượng học sinh trung học phổ thông chiếm tỉ lệ lớn trong tổng số học sinh trung học phổ thông của cả nước. Kết quả nghiên cứu trình bày trong bài viết góp phần xác định cơ sở lí luận và thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp giúp

giáo viên trung học phổ thông tạo động lực học tập cho học sinh một cách hiệu quả.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lí luận về tạo động lực học tập cho học sinh trung học phổ thông

2.1.1. Khái niệm tạo động lực học tập cho học sinh trung học phổ thông

Theo Pintrich P.R. (2003), động lực là quá trình bên trong, giúp thúc đẩy, định hướng và duy trì hành động [3]. Huiitt W. (2011) cho rằng, động lực học tập là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự thành công của người học [4]. Theo Từ điển Bách khoa Tâm lí học, Giáo dục học Việt Nam do Phạm Minh Hạc chủ biên (2013): “Động lực là nguồn gốc cung cấp năng lượng thôi thúc để giúp cá nhân có thể phấn đấu vươn lên” [5, tr.253]. Một cách khái quát, có thể hiểu, động lực học tập của học sinh là sự thúc đẩy bên trong khiến cho học sinh tích cực và nỗ lực học tập đạt hiệu quả cao. Tạo động lực học tập cho học sinh trung học phổ thông là hệ thống những biện pháp của giáo viên trung học phổ thông tác động đến học sinh nhằm làm cho học sinh có động lực học tập.

2.1.2. Biện pháp tạo động lực học tập cho học sinh trung học phổ thông

Động lực học tập của học sinh nói chung, học sinh trung học phổ thông nói riêng được hình thành và phát triển dưới sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố (cá nhân học sinh, hoạt động học tập, môi trường học tập). Vì thế, nguyên tắc để tạo động lực học tập cho học sinh là giáo viên cần thực hiện hệ thống các biện pháp nhằm tạo ra các yếu tố thuận lợi để hình thành và phát triển động lực học tập cho học sinh. Với nguyên tắc định hướng

này, có thể xác định các biện pháp tạo động lực học tập cho học sinh bao gồm 3 nhóm biện pháp cơ bản sau đây [6, tr.1-5]:

- *Nhóm biện pháp làm cho học sinh có nhu cầu học tập*: Giáo viên đặt ra các yêu cầu về đánh giá và cho điểm kết quả học tập giữa kì, cuối kì. Tuy nhiên, một cách để hình thành nhu cầu học tập lâu dài và bền vững ở học sinh là “giáo viên cần chỉ ra cho học sinh thấy những lợi ích trong hiện tại và tương lai của việc học tập môn học mà giáo viên đang giảng dạy” [7, tr.105].

- *Nhóm biện pháp làm cho hoạt động học tập trở nên lí thú và hấp dẫn*: Giáo viên cần làm cho từng thành tố của hoạt động học tập trở nên hấp dẫn: 1) Về mục tiêu dạy học: Giáo viên đặt ra mục tiêu dạy học không phải là truyền đạt những kiến thức hàn lâm, xa rời thực tế mà giúp học sinh vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống; 2) Về nội dung dạy học: Giáo viên lựa chọn nội dung và các ví dụ minh họa trong bài học là các nội dung, ví dụ mà học sinh quan tâm, phù hợp với tâm lí lứa tuổi, có lợi ích trực tiếp đối với học sinh; 3) Về phương pháp và hình thức dạy học: Giáo viên sử dụng các phương pháp và hình thức dạy học tích cực, tạo cơ hội cho học sinh tham gia và trải nghiệm, đặt học sinh vào thế chủ động tìm tòi và chiếm lĩnh kiến thức, hạn chế các phương pháp truyền đạt một chiều, gây nhàm chán đối với học sinh; 4) Về đánh giá kết quả học tập của học sinh: Giáo viên không chỉ thực hiện đánh giá tổng kết mà còn thực hiện đánh giá quá trình, có nghĩa là đánh giá trong suốt quá trình học tập của học sinh, kịp thời biểu dương, ghi nhận, động viên; đánh giá sự tiến bộ của học sinh so với chính bản thân học sinh, không so sánh với các học

sinh khác.

- *Nhóm biện pháp làm cho môi trường học tập trở nên thân thiện*: 1) Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa giáo viên với học sinh: Giáo viên cần rèn luyện phẩm chất và năng lực chuyên môn, kĩ năng giảng dạy để được học sinh tôn trọng, là tấm gương cho học sinh về văn hóa ứng xử; Giáo viên cần thể hiện sự tôn trọng đối với học sinh và khích lệ các nỗ lực học tập của học sinh; 2) Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa học sinh với học sinh: Giáo viên cần giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh; Yêu cầu học sinh thực hiện đúng các quy tắc ứng xử trong lớp học; Rèn luyện cho học sinh thái độ tôn trọng lẫn nhau, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau; Thi đua với nhau một cách lành mạnh và khích lệ lẫn nhau để cùng hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

2.2. Khái quát về khảo sát

Mục tiêu khảo sát: Làm rõ thực trạng giáo viên tạo động lực học tập cho học sinh trung học phổ thông ở Thành phố Hồ Chí Minh nhằm xây dựng cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp nâng cao động lực học tập cho học sinh một cách hiệu quả.

Nội dung khảo sát: 1/ Thực trạng giáo viên thực hiện các biện pháp làm cho học sinh có nhu cầu học tập; 2/ Thực trạng giáo viên thực hiện các biện pháp làm cho hoạt động học tập trở nên lí thú và hấp dẫn; 3/ Thực trạng giáo viên thực hiện các biện pháp làm cho môi trường học tập trở nên thân thiện.

Địa bàn và mẫu khảo sát: Khảo sát được tiến hành vào thời điểm tháng 3 năm 2022 tại các trường trung học phổ thông công lập ở 07 quận nội thành, 04 huyện ngoại thành và 03 quận của thành phố Thủ Đức thuộc

Bảng 1: Mẫu khảo sát

TT	Quận/ Huyện/ thành phố	Giáo viên			Học sinh			
		Khoa học tự nhiên	Khoa học xã hội	Tổng	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Tổng
1	Quận 1	19	11	30	28	20	67	115
2	Quận 3	24	36	60	42	41	80	163
3	Quận 4	27	23	50	31	41	57	129
4	Quận 7	27	34	61	85	118	100	303
5	Quận 8	5	6	11	58	73	108	239
6	Quận Bình Thạnh	9	8	17	140	100	119	359
7	Quận Tân Bình	17	10	27	114	81	58	253
8	Thành phố Thủ Đức (3 quận)	143	152	295	897	888	847	2632
9	Huyện Bình Chánh	38	24	62	18	9	41	68
10	Huyện Cần Giờ	21	17	38	37	21	22	80
11	Huyện Hóc Môn	58	69	127	311	304	109	724
12	Huyện Nhà Bè	4	7	11	160	128	120	408
	Tổng	392	397	789	1921	1824	1728	5473

Thành phố Hồ Chí Minh. Mẫu khảo sát bao gồm 789 giáo viên và 5473 học sinh, được chọn bằng cách lấy mẫu ngẫu nhiên phân tầng (xem Bảng 1).

Phương pháp khảo sát: Sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi với học sinh và giáo viên. Thang đo Likert 4 mức độ với điểm trung bình được chia khoảng như sau: 1,0-1,75 điểm: Không thực hiện; 1,76-2,50 điểm: Hiếm khi; 2,51-3,25 điểm: Thỉnh thoảng; 3,26-4,00 điểm: Thường xuyên. Dùng phần mềm SPSS để tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn và xếp hạng, đồng thời phân tích kết quả T-test (kiểm tra ý nghĩa sự khác biệt điểm trung bình của 2 mẫu độc lập) và Anova (kiểm tra ý nghĩa sự khác biệt điểm trung bình của nhiều mẫu độc lập).

2.3. Kết quả khảo sát

2.3.1. Tự đánh giá của giáo viên về các biện pháp tạo động lực học tập cho học sinh

Mức độ thực hiện ba nhóm biện pháp tạo động lực học tập cho học sinh với 14 biện pháp cụ thể được khảo sát trên 789 giáo viên. Kết quả thống kê được trình bày ở Bảng 2.

Số liệu ở Bảng 2 cho thấy: Giáo viên tự đánh giá bản thân đã thực hiện tất cả 14 biện pháp tạo động lực học tập cho học sinh ở mức “thường xuyên” (thấp nhất là 3,35đ và cao nhất là 3,83đ). Dùng T – test để kiểm tra ý nghĩa sự khác biệt điểm trung bình trong tự đánh giá của giáo viên các môn khoa học tự nhiên và giáo viên các môn khoa học xã hội nhận được sig. = 0.054 (>

Bảng 2: Ý kiến tự đánh giá của giáo viên về mức độ thực hiện các biện pháp tạo động lực học tập cho học sinh

TT	Các biện pháp tạo động lực học tập cho học sinh	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Giáo viên môn Khoa học xã hội	Tổng hợp			
		Điểm trung bình	Điểm trung bình	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng	Mức độ
1	Các biện pháp làm cho học sinh có nhu cầu học tập:						
1.1	Giáo viên thông báo cho học sinh các yêu cầu về đánh giá và cho điểm giữa kì, cuối kì trong môn học mà giáo viên giảng dạy.	3.74	3.75	3.75	0.55	6	Thường xuyên
1.2	Giáo viên chỉ ra cho học sinh thấy những lợi ích của môn học trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống hiện tại của học sinh.	3.47	3.59	3.53	0.61	10	Thường xuyên
1.3	Giáo viên chỉ ra cho học sinh thấy những lợi ích của môn học trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống tương lai của học sinh.	3.44	3.54	3.49	0.63	12	Thường xuyên
	Chung	3.55	3.63	3.59			
2	Các biện pháp làm cho hoạt động học tập trở nên lí thú và hấp dẫn:						
2.1	Giáo viên giúp học sinh vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn của cuộc sống.	3.37	3.56	3.47	0.64	13	Thường xuyên
2.2	Giáo viên cho các ví dụ minh họa trong bài học là các ví dụ mà học sinh quan tâm, phù hợp tâm lí lứa tuổi, có lợi ích trực tiếp đối với học sinh.	3.43	3.61	3.52	0.62	11	Thường xuyên
2.3	Giáo viên sử dụng các phương pháp và hình thức dạy học tích cực, tạo cơ hội cho học sinh tham gia và trải nghiệm (dạy học theo nhóm, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án,...).	3.27	3.42	3.35	0.66	14	Thường xuyên
2.4	Giáo viên không chỉ đánh giá định kì (giữa kì, cuối kì), mà theo dõi, nhận xét kết quả học tập của học sinh trong suốt quá trình học tập môn học.	3.72	3.76	3.74	0.55	7	Thường xuyên
2.5	Giáo viên đánh giá sự tiến bộ của học sinh so với chính bản thân học sinh, không so sánh với các học sinh khác.	3.63	3.62	3.62	0.62	9	Thường xuyên
	Chung	3.48	3.59	3.54			
3	Các biện pháp làm cho môi trường học tập trở nên thân thiện:						
3.1	Giáo viên đầu tư năng lực chuyên môn, kĩ năng giảng dạy, cẩn trọng trong từng lời nói, hành vi của mình với học sinh trong các tiết dạy của mình.	3.77	3.79	3.78	0.50	4	Thường xuyên

TT	Các biện pháp tạo động lực học tập cho học sinh	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Giáo viên môn Khoa học xã hội	Tổng hợp			
		Điểm trung bình	Điểm trung bình	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng	Mức độ xuyên
3.2	Giáo viên thể hiện sự tôn trọng đối với học sinh trong các tiết dạy của mình.	3.82	3.83	3.83	0.47	1	Thường xuyên
3.3	Giáo viên khích lệ các nỗ lực học tập của học sinh trong các tiết dạy của mình.	3.80	3.79	3.79	0.48	2	Thường xuyên
3.4	Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện đúng các quy tắc ứng xử trong lớp học.	3.79	3.79	3.79	0.49	2	Thường xuyên
3.5	Giáo viên rèn luyện cho học sinh thái độ tôn trọng lẫn nhau, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.	3.76	3.77	3.76	0.51	5	Thường xuyên
3.6	Giáo viên tạo không khí thi đua giữa học sinh với nhau một cách lành mạnh và khích lệ lẫn nhau để cùng hoàn thành các nhiệm vụ học tập.	3.66	3.67	3.67	0.56	8	Thường xuyên
	Chung	3.77	3.77	3.77			
	Tổng hợp 3 nhóm biện pháp	3.62	3.68	3.65			
	Kết quả T-test (sig.)	0.054					

0.05), sự khác biệt không có ý nghĩa [8, tr.136]. Tự đánh giá của giáo viên các môn khoa học tự nhiên và giáo viên các môn khoa học xã hội có sự tương đồng.

Kết quả khảo sát giáo viên cho thấy, 7 biện pháp được giáo viên đánh giá thực hiện thường xuyên nhất là: “Giáo viên thể hiện sự tôn trọng đối với học sinh” (3,83đ - xếp hạng 1); “Giáo viên khích lệ các nỗ lực học tập của học sinh” và “Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện đúng các quy tắc ứng xử trong lớp học” (3,79đ - đồng hạng 2); “Giáo viên đầu tư năng lực chuyên môn, kỹ năng giảng dạy, cẩn trọng trong từng lời nói, hành vi của mình với học sinh” (3,78đ - xếp hạng 4); “Giáo viên rèn luyện cho học sinh thái độ tôn trọng lẫn nhau, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau” (3,76đ - xếp hạng 5); “Giáo viên thông báo cho học sinh các yêu cầu về đánh giá và cho điểm giữa kì, cuối kì trong môn học mà giáo viên giảng dạy” (3,75đ - xếp hạng 6); “Giáo viên không chỉ đánh giá định kì, mà theo dõi, nhận xét kết quả học tập của học sinh trong suốt quá trình học tập” (3,74đ - xếp hạng 7).

Như vậy, hầu hết các biện pháp tạo động lực học tập cho học sinh được giáo viên tự đánh giá mức độ thực hiện thường xuyên nhất đều thuộc nhóm biện pháp làm cho môi trường học tập trở nên thân thiện.

Các biện pháp xếp hạng thấp hơn về mức độ thường xuyên, theo tự đánh giá của giáo viên, đa số rơi vào nhóm biện pháp làm cho học sinh có nhu cầu học tập và làm cho hoạt động học tập trở nên lí thú và hấp dẫn. Kết quả khảo sát này cần được lưu ý trong việc đề xuất các biện pháp tạo động lực học tập cho học sinh một cách hiệu quả hơn.

2.3.2. Đánh giá của học sinh về các biện pháp giáo viên tạo động lực học tập cho học sinh

Để đảm bảo tính khách quan của nghiên cứu, khảo sát về mức độ giáo viên thực hiện các biện pháp tạo động lực học tập cho học sinh được tiến hành trên học sinh lớp 10, 11 và lớp 12 với mẫu 5473 học sinh. Kết quả thu nhận được trình bày ở Bảng 3. Số liệu ở Bảng 3 cho thấy:

- 6 biện pháp được học sinh đánh giá ở mức “*thường xuyên*”, đó là:

Nhóm biện pháp làm cho môi trường học tập trở nên thân thiện có 4/6 biện pháp: “Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện đúng các quy tắc ứng xử trong lớp học” (3,59đ - xếp hạng 1); “Giáo viên thể hiện sự tôn trọng đối với học sinh” (3,43đ - xếp hạng 3); “Giáo viên rèn luyện cho học sinh thái độ tôn trọng lẫn nhau, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau” (3,34đ - xếp hạng 5); “Giáo viên khích lệ các nỗ lực học tập của học sinh” (3,26đ - xếp hạng 6).

Nhóm biện pháp làm cho học sinh có nhu cầu học tập chỉ có biện pháp: “Giáo viên thông báo cho học sinh các yêu cầu về đánh giá và cho điểm giữa kì, cuối kì trong môn học mà giáo viên giảng dạy” (3,45đ - xếp hạng 2).

Nhóm biện pháp làm cho hoạt động học tập trở nên lí thú và hấp dẫn chỉ có biện pháp: “Giáo viên không chỉ đánh giá định kì, mà theo dõi, nhận xét kết quả học tập của học sinh trong suốt quá trình học tập” (3,43đ - xếp hạng 3).

- 8 biện pháp được học sinh đánh giá mức độ thực hiện “*thỉnh thoảng*”, trong đó, nhóm biện pháp làm cho học sinh có nhu cầu học tập có 2/3 biện pháp và nhóm

Bảng 3: Ý kiến đánh giá của học sinh về mức độ giáo viên thực hiện các biện pháp tạo động lực học tập cho học sinh

TT	Các biện pháp tạo động lực học tập cho học sinh	Học sinh 10	Học sinh 11	Học sinh 12	Tổng hợp			Mức độ
		Điểm trung bình	Điểm trung bình	Điểm trung bình	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng	
1	Các biện pháp làm cho học sinh có nhu cầu học tập:							
1.1	Giáo viên thông báo cho học sinh các yêu cầu về đánh giá và cho điểm giữa kì, cuối kì trong môn học mà giáo viên giảng dạy.	3.45	3.45	3.46	3.45	0.74	2	Thường xuyên
1.2	Giáo viên chỉ ra cho học sinh thấy những lợi ích của môn học trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống hiện tại của học sinh.	2.98	2.89	2.97	2.95	0.92	13	Thỉnh thoảng
1.3	Giáo viên chỉ ra cho học sinh thấy những lợi ích của môn học trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống tương lai của học sinh.	2.99	2.92	2.99	2.97	0.92	12	Thỉnh thoảng
	Chung	3.14	3.09	3.14	3.12			
2	Các biện pháp làm cho hoạt động học tập trở nên lí thú và hấp dẫn:							
2.1	Giáo viên giúp học sinh vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn của cuộc sống.	2.96	2.82	2.89	2.89	0.94	14	Thỉnh thoảng
2.2	Giáo viên cho các ví dụ minh họa trong bài học là các ví dụ mà học sinh quan tâm, phù hợp tâm lí lứa tuổi, có lợi ích trực tiếp với học sinh.	3.14	3.01	3.05	3.07	0.88	9	Thỉnh thoảng
2.3	Giáo viên sử dụng các phương pháp và hình thức dạy học tích cực, tạo cơ hội cho học sinh tham gia và trải nghiệm (dạy học theo nhóm, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án,...).	3.12	3.02	3.03	3.05	0.86	10	Thỉnh thoảng
2.4	Giáo viên không chỉ đánh giá định kì (giữa kì, cuối kì), mà theo dõi, nhận xét kết quả học tập của học sinh trong suốt quá trình học tập.	3.46	3.41	3.42	3.43	0.79	3	Thường xuyên
2.5	Giáo viên đánh giá sự tiến bộ của học sinh so với chính bản thân học sinh, không so sánh với các học sinh khác.	3.04	2.94	3.02	3.00	0.98	11	Thỉnh thoảng
	Chung	3.14	3.04	3.08	3.09			
3	Các biện pháp làm cho môi trường học tập trở nên thân thiện:							
3.1	Giáo viên đầu tư năng lực chuyên môn, kĩ năng giảng dạy, cẩn trọng trong từng lời nói, hành vi của mình với học sinh trong các tiết dạy của mình	3.25	3.16	3.26	3.23	0.85	7	Thỉnh thoảng
3.2	Giáo viên thể hiện sự tôn trọng đối với học sinh trong các tiết dạy của mình	3.44	3.37	3.47	3.43	0.78	3	Thường xuyên
3.3	Giáo viên khích lệ các nỗ lực học tập của học sinh trong các tiết dạy của mình	3.27	3.19	3.32	3.26	0.85	6	Thường xuyên
3.4	Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện đúng các quy tắc ứng xử trong lớp học	3.62	3.56	3.59	3.59	0.67	1	Thường xuyên
3.5	Giáo viên rèn luyện cho học sinh thái độ tôn trọng lẫn nhau, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau	3.40	3.27	3.34	3.34	0.84	5	Thường xuyên
3.6	Giáo viên tạo không khí thi đua giữa học sinh một cách lành mạnh và khích lệ lẫn nhau để cùng hoàn thành các nhiệm vụ học tập	3.18	3.09	3.16	3.14	0.91	8	Thỉnh thoảng
	Chung	3.36	3.27	3.36	3.33			
	Tổng hợp 3 nhóm biện pháp	3.24	3.15	3.21	3.20			
	Kết quả Anova (sig.)	0.000						

Bảng 4: So sánh đánh giá của giáo viên và học sinh về mức độ thực hiện các biện pháp tạo động lực học tập cho học sinh

TT	Các yếu tố	Giáo viên		Học sinh		Kết quả T - test (sig)
		Điểm trung bình	Xếp hạng	Điểm trung bình	Xếp hạng	
1	Các biện pháp làm cho học sinh có nhu cầu học tập	3.59	2	3.12	2	0.000
2	Các biện pháp làm cho hoạt động học tập trở nên lí thú và hấp dẫn	3.54	3	3.09	3	0.000
3	Các biện pháp làm cho môi trường học tập trở nên thân thiện	3.77	1	3.33	1	0.000
Chung		3.65		3.20		0.000

biện pháp làm cho hoạt động học tập trở nên lí thú và hấp dẫn có tới 4/5 biện pháp. Danh sách 8 biện pháp này (xem Bảng 3) cho thấy giáo viên trung học phổ thông ở Thành phố Hồ Chí Minh cần chú trọng hơn nữa đến việc gắn lí thuyết với cuộc sống thực tiễn gần gũi với học sinh; tạo cơ hội cho học sinh tham gia; tạo cơ hội cho học sinh vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; giúp học sinh trở nên tự tin về những tiến bộ của bản thân trong học tập. Điều này cũng phù hợp với chủ trương đổi mới giáo dục theo tiếp cận năng lực, phải: “Dạy cách học, cách vận dụng kiến thức, kĩ năng, thái độ giải quyết các vấn đề liên quan đến cuộc sống thực tiễn và từ đó hình thành năng lực” [9, tr.68-82].

Phân tích kết quả Anova để kiểm tra ý nghĩa sự khác biệt Điểm trung bình trong đánh giá của học sinh lớp 10, 11 và lớp 12, nhận được sig. < 0.05, sự khác biệt là có ý nghĩa [8, tr.150]. Học sinh lớp 10 đánh giá cao nhất về các biện pháp tạo động lực học tập của giáo viên, kế tiếp là học sinh lớp 12 và thấp nhất là học sinh lớp 11. Điều này có thể lí giải là giáo viên có sự quan tâm hơn đến tạo động lực học tập cho học sinh lớp đầu cấp và lớp cuối cấp.

So sánh đánh giá của giáo viên và học sinh về các biện pháp tạo động lực học tập cho học sinh được trình bày trong Bảng 4.

Kết quả ở Bảng 4 cho thấy sig. < 0,05, sự khác biệt Điểm trung bình trong đánh giá của giáo viên và học sinh là có ý nghĩa, giáo viên có xu hướng tự đánh giá cao các biện pháp của bản thân, vì thế, đánh giá của học sinh sẽ mang tính khách quan. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy sự tương đồng về xếp hạng của các nhóm biện pháp.

3. Kết luận

Khảo sát bằng bảng hỏi với giáo viên và học sinh trung học phổ thông ở 07 quận nội thành, 04 huyện ngoại thành và 03 quận của thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy những ưu điểm và hạn chế của giáo viên trong tạo động lực học tập cho học sinh. Giáo viên đã quan tâm tạo môi trường học tập thân thiện cho học sinh; đã cố gắng tạo nhu cầu và thu hút học sinh vào hoạt động học tập vì kết quả điểm số môn học. Tuy nhiên, giáo viên chưa thực hiện thường xuyên các biện pháp làm cho học sinh có nhu cầu học tập một cách lâu dài và bền vững và làm cho hoạt động học tập trở nên lí thú và hấp dẫn. Để làm được điều này, giáo viên cần cho học sinh thấy được lợi ích của môn học trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống hiện tại và tương lai của học sinh; thực hiện thường xuyên hơn việc giúp học sinh vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn của cuộc sống; cho các ví dụ minh họa trong bài học là các ví dụ mà học sinh quan tâm, phù hợp tâm lí lứa tuổi, có lợi ích trực tiếp với học sinh; tăng cường sử dụng các phương pháp và hình thức dạy học tích cực, tạo cơ hội cho học sinh tham gia và trải nghiệm; chú trọng đánh giá sự tiến bộ của học sinh so với chính bản thân học sinh, không so sánh với các học sinh khác. Kết quả khảo sát định lượng trình bày trong bài viết mở ra sự cần thiết của các nghiên cứu định tính tiếp theo (phỏng vấn sâu, quan sát...) để làm rõ hơn các nguyên nhân khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến việc giáo viên tạo động lực học tập cho học sinh; từ đó xác định cơ sở thực tiễn một cách toàn diện để đề xuất các biện pháp tạo động lực học tập cho học sinh trung học phổ thông ở Thành phố Hồ Chí Minh một cách hiệu quả, phù hợp tình hình thực tế.

Tài liệu tham khảo

- [1] Theobald, M.A., (2006), *Increasing student motivation: Strategies for middle and high school teachers*, Thousand Oaks, California: Corwin Press.
- [2] Nguyễn Tùng Lâm, (2015), *Tìm giải pháp tạo động lực học tập với học sinh yếu kém phổ thông*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia Động cơ học tập của người học và trách nhiệm của người dạy – Thực trạng và giải pháp, tr.147-157, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Pintrich, P.R., (2003), *A Motivation Science Perspective on the Role of Student Motivation in Learning and Teaching Contexts*, Journal of Educational Psychology, 95(4), p.667-686.
- [4] Huitt W., (2011), *Motivation to learn: An Overview*, Educational Psychology Interactive, Valdosta, GA: Valdosta State University.
- [5] Phạm Minh Hạc (chủ biên), (2013), *Từ điển bách khoa*

Tâm lý học, Giáo dục học Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội.

- [6] Nguyễn Thị Thúy Dung, (2021), *Tạo tạo động lực học tập cho học sinh – Một năng lực cần thiết của giáo viên phổ thông đáp ứng giáo dục 4.0*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 43, tr.1-5.
- [7] Phạm Hồng Quang - Lê Hồng Sơn, (2011), *Xây dựng môi trường học tập cho học sinh trung học phổ thông*, Bộ Giáo dục và đào tạo, Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên trung học phổ thông, giai đoạn 2011-2018.
- [8] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, tập 1, NXB Hồng Đức.
- [9] Nguyễn Quang Thuán, (2016), *Đánh giá theo định hướng năng lực*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Giáo dục, tập 32, số 2, tr.68-82.

TEACHERS' MEASURES TO DEVELOP LEARNING MOTIVATION FOR HIGH SCHOOL STUDENTS IN HO CHI MINH CITY

Nguyen Thi Thuy Dung

Email: nguyenthithuydung@hcmussh.edu.vn
University of Social Sciences and Humanities -
Vietnam National University Ho Chi Minh City
10 - 12 Dinh Tien Hoang, Ben Nghe ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

ABSTRACT: *The article presents the results of a questionnaire survey of high school teachers and students in Ho Chi Minh City on teachers' measures to develop learning motivation for students. Teachers took into account creating a friendly learning environment for students; tried to engage students in learning activities for the subject's grades. However, they have not regularly taken measures to make students have long-term and sustainable needs to learn and make each element of learning activities interesting and attractive to students.*

KEYWORDS: Measures, developing learning motivation, students, high schools, Ho Chi Minh City.